TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/2026/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Linh.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 143/2026/LĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 94/2026/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, Tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, phường D, Thành Phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty cổ phần S; địa chỉ: khu công nghiệp B, phường D, Thành Phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết chị Đinh Thị T trình bày:

Từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 chị T làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn E, được công ty T4 số 7409151804. Nay chị T liên hệ bảo hiểm xã hội để được nhận bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm, được thông báo có 01 sổ bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian đóng từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Lý do bị trùng do một người khác đã sử dụng thông tin của chị T để ký hợp đồng lao động công ty cổ phần S khoảng từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011 và có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm số 9107271157.

Nay chị Đinh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động giữa chị Đinh Thị T và công ty cổ phần S vô hiệu từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Đinh Thị T, sinh năm 1989 số CCCD 042189015886 thì Công ty cổ phần S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Đinh Thị T theo số sổ bảo hiểm 9107271157 từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010 và từ tháng 11/2010 đến tháng 03/2011 đã chốt sổ bảo hiểm và đã nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Đinh Thị T còn có mã số BHXH 7409151804 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 tại công ty trách nhiệm hữu hạn E.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà T và Công ty cổ phần S, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

- Người đại diện theo pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần S vắng mặt trong quá trình tố tụng.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của chị Đinh Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu chị Đinh Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty cổ phần S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự: Căn cứ số bảo hiểm xã hội của chị Đinh Thị T, công văn số 550/BHXH-QLT ngày 13/3/2026 và lời khai của người yêu cầu quá trình tố tụng, thống nhất trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011, người khác lấy thông tin cá nhân của chị Đinh Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S và được công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội số 9107271157. Đối với chị

T trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn E và tham gia bảo hiểm xã hội số 7409151804.

Xét thấy, người khác lấy thông tin cá nhân của chị Đinh Thị T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc chị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Đinh Thị T (thực tế là người khác) và Công ty cổ phần S là vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 122, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ công văn số 550/BHXH-QLT ngày 13/03/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An thể hiện, chị T bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Do đó, chị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Đinh Thị T và Công ty cổ phần S là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Đinh Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Đinh Thị T và Công ty cổ phần S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107271157) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107271157 không phải là chị Đinh Thị T, sinh năm 1989, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 042189015886. Chị Đinh Thị T được quyền liên hệ với C có

thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107271157.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0020385 ngày 02/04/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Linh